

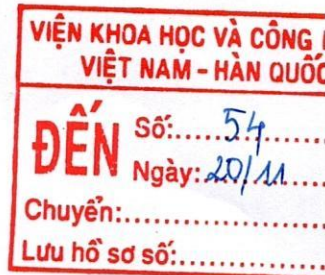
Hà Nội, ngày 09 tháng 11 năm 2017

QUYẾT ĐỊNH

**Về việc ban hành Quy chế tài chính đặc thù
của Viện Khoa học và Công nghệ Việt Nam - Hàn Quốc**

BỘ TRƯỞNG

BỘ KHOA HỌC VÀ CÔNG NGHỆ



Căn cứ Nghị định số 50/2015/NĐ-CP ngày 18 tháng 5 năm 2015 của Chính phủ quy định về việc thành lập Viện Khoa học và Công nghệ Việt Nam-Hàn Quốc;

Căn cứ Nghị định số 95/2017/NĐ-CP ngày 16 tháng 8 năm 2017 của Chính phủ quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Bộ Khoa học và Công nghệ;

Căn cứ Nghị định số 16/2015/NĐ-CP ngày 14 tháng 02 năm 2015 của Chính phủ quy định cơ chế tự chủ của đơn vị sự nghiệp công lập;

Căn cứ Nghị định số 54/2016/NĐ-CP ngày 14 tháng 6 năm 2016 của Chính phủ quy định cơ chế tự chủ của tổ chức khoa học và công nghệ công lập;

Được sự thống nhất ý kiến của Bộ Tài chính tại công văn số 15168/BTC-HCSN ngày 09 tháng 11 năm 2017 tham gia ý kiến Quy chế tài chính của Viện Khoa học và Công nghệ Việt Nam - Hàn Quốc;

Xét đề nghị của Vụ trưởng Vụ Kế hoạch - Tài chính,

QUYẾT ĐỊNH:


Điều 1. Ban hành kèm theo Quyết định này Quy chế tài chính đặc thù của Viện Khoa học và Công nghệ Việt Nam - Hàn Quốc trực thuộc Bộ Khoa học và Công nghệ.

Điều 2. Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày ký ban hành.

Điều 3. Hội đồng Viện, Viện trưởng Viện Khoa học và Công nghệ Việt Nam - Hàn Quốc, Vụ trưởng Vụ Kế hoạch - Tài chính và Thủ trưởng các đơn vị thuộc Bộ có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:

- Như Điều 3;
- VPCP, Bộ TC;
- Bộ trưởng và các Thứ trưởng;
- Lưu: VT, Vụ KHTC.


Chu Ngọc Anh

Hà Nội, ngày tháng năm 2017

QUY CHẾ TÀI CHÍNH

Đặc thù của Viện Khoa học và Công nghệ Việt Nam - Hàn Quốc

(Ban hành kèm theo Quyết định số 3344 /QĐ-BKHCN

ngày 09 tháng 11 năm 2017 của Bộ trưởng Bộ Khoa học và Công nghệ)

Điều 1. Quy định chung

1. Viện Khoa học và Công nghệ Việt Nam - Hàn Quốc (sau đây gọi tắt là Viện) là tổ chức khoa học và công nghệ trực thuộc Bộ Khoa học và Công nghệ. Viện hoạt động theo cơ chế đặc thù quy định tại Nghị định số 50/2015/NĐ-CP ngày 18/5/2015 của Chính phủ về việc thành lập Viện Khoa học và Công nghệ Việt Nam - Hàn Quốc (sau đây gọi tắt là Nghị định số 50/2015/NĐ-CP).

2. Viện được thực hiện cơ chế tự chủ áp dụng cho tổ chức khoa học và công nghệ công lập tự bảo đảm chi thường xuyên và chi đầu tư theo quy định tại Nghị định số 54/2016/NĐ-CP ngày 14/6/2016 của Chính phủ quy định cơ chế tự chủ của tổ chức khoa học và công nghệ công lập (sau đây gọi tắt là Nghị định số 54/2016/NĐ-CP) và các quy định của pháp luật về chính sách sử dụng, trọng dụng đối với công chức, viên chức. Ngoài ra, Viện được thực hiện các cơ chế, chính sách đặc thù riêng quy định tại Quy chế này.

Điều 2. Các nguồn tài chính của Viện

1. Nguồn ngân sách nhà nước cấp:

a) Hỗ trợ toàn bộ kinh phí hoạt động thường xuyên hằng năm và các khoản thuế phải nộp của Viện trong thời gian tối đa là 10 năm. Mức hỗ trợ căn cứ vào kết quả hoạt động hằng năm, định kỳ 3 năm và kết quả kiểm toán hằng năm của Viện, theo hướng tăng dần tự chủ về kinh phí.

b) Vốn đối ứng cho Dự án hợp tác xây dựng Viện theo cam kết tại Hiệp định giữa Chính phủ Việt Nam và Chính phủ Hàn Quốc;

c) Kinh phí đầu tư phát triển, xây dựng cơ sở hạ tầng, mua sắm trang thiết bị theo dự án được cấp có thẩm quyền phê duyệt;

d) Kinh phí thực hiện các chương trình mục tiêu quốc gia, các chương trình, dự án, đề án khác; kinh phí thực hiện nhiệm vụ đột xuất được cơ quan có thẩm quyền giao.

2. Nguồn thu từ hoạt động của Viện:

- a) Thu từ hoạt động, thực hiện các nhiệm vụ khoa học và công nghệ theo đặt hàng của Nhà nước và doanh nghiệp;
- b) Thu từ hoạt động đào tạo, chuyển giao công nghệ và các hoạt động dịch vụ khác;
- c) Thu từ hoạt động sản xuất, kinh doanh, liên doanh, liên kết;
- d) Nguồn thu phí theo pháp luật về phí, lệ phí được để lại chi theo quy định;
- đ) Thu hợp pháp khác.

3. Vốn tài trợ, viện trợ, quà biếu, tặng của các cá nhân, tổ chức trong và ngoài nước.

4. Nguồn tài chính khác, bao gồm: vốn khấu hao tài sản cố định, thu thanh lý tài sản được để lại theo quy định; các nguồn tài chính hợp pháp khác theo quy định của pháp luật.

Điều 3. Quản lý tài chính và tài sản

1. Quản lý tài chính và tài sản

a) Các nguồn tài chính, nội dung chi, mức chi, phương thức thanh toán, quyết toán và các vấn đề liên quan đến quản lý tài chính, tài sản của Viện phải được thể hiện trong Quy chế chi tiêu nội bộ của Viện. Quy chế chi tiêu nội bộ của Viện được xây dựng trên cơ sở công khai, minh bạch và do Viện trưởng phê duyệt sau khi được Hội đồng Viện chấp thuận.

b) Viện có trách nhiệm sử dụng và quản lý tài sản theo đúng mục đích, nhiệm vụ được giao; bảo toàn và phát triển tài sản Nhà nước giao; sử dụng nguồn tài trợ, viện trợ của Hàn Quốc và các tổ chức, cá nhân khác theo đúng nội dung thỏa thuận với nhà tài trợ (nếu có); thực hiện bảo dưỡng, sửa chữa, bảo vệ tài sản theo chế độ quy định; hạch toán, ghi chép tài sản, báo cáo tình hình quản lý, sử dụng tài sản nhà nước được giao theo quy định của pháp luật.

2. Kiểm toán, báo cáo và công khai tài chính

a) Viện thực hiện kiểm toán theo quy định tại khoản 4 Điều 4 Nghị định số 50/2015/NĐ-CP. Kết quả kiểm toán phải được gửi cho Hội đồng Viện và Bộ Khoa học và Công nghệ.

b) Viện thực hiện chế độ báo cáo và công khai tài chính theo quy định của pháp luật Việt Nam.

Điều 4. Cơ chế tự chủ tài chính

1. Viện được thực hiện cơ chế tự chủ về tài chính áp dụng cho tổ chức khoa học và công nghệ công lập tự bảo đảm chi thường xuyên và chi đầu tư theo

quy định tại Nghị định số 54/2016/NĐ-CP.

Viện được tự chủ quản lý, quyết định nội dung và mức chi để chi thường xuyên và chi thực hiện nhiệm vụ khoa học và công nghệ theo Quy chế này và Quy chế chi tiêu nội bộ của Viện đối với nguồn tài chính quy định tại điểm a khoản 1, khoản 2, khoản 4 Điều 2 của Quy chế này.

2. Viện được áp dụng cơ chế tự chủ, tự chịu trách nhiệm về tài chính, bảo đảm khuyến khích các nhà khoa học trình độ cao là người nước ngoài, người Việt Nam ở trong nước và ở nước ngoài tham gia hoạt động khoa học và công nghệ tại Viện.

3. Đối với nguồn tài chính quy định tại khoản 3 Điều 2 Quy chế này, Viện thực hiện theo quy định hoặc thỏa thuận với nhà tài trợ và Quy chế chi tiêu nội bộ của Viện.

4. Tiền lương, tiền công cho cán bộ quản lý, cán bộ nghiên cứu, nhân viên, người lao động theo hợp đồng của Viện được thực hiện theo quy định tại khoản 1 Điều 7 Quy chế này.

5. Đối với chi đầu tư xây dựng cơ bản và đầu tư trang thiết bị từ nguồn ngân sách nhà nước, việc kiểm soát và thanh toán được thực hiện theo quy định của pháp luật về đầu tư công và pháp luật về quản lý, sử dụng tài sản công.

6. Viện được vay vốn, huy động vốn để đầu tư, xây dựng cơ sở vật chất theo quy định tại khoản 4 Điều 8 Nghị định số 54/2016/NĐ-CP.

7. Viện được Nhà nước xác định giá trị tài sản để giao cho Viện quản lý theo cơ chế giao vốn cho doanh nghiệp theo quy định tại Điều 13 Nghị định số 54/2016/NĐ-CP. Viện được quyền sử dụng tài sản cố định được giao, quỹ phát triển hoạt động sự nghiệp, vốn huy động của cá nhân làm việc tại Viện để tham gia liên doanh, liên kết sản xuất kinh doanh, thương mại hóa kết quả nghiên cứu trên nguyên tắc tự bù đắp chi phí và bảo toàn vốn theo quy định của pháp luật.

8. Đối với các nhiệm vụ khoa học và công nghệ do Nhà nước đặt hàng, Viện được thực hiện theo phương thức khoán chi đến sản phẩm cuối cùng theo quy định tại Nghị định số 95/2014/NĐ-CP ngày 17/10/2014 của Chính phủ về đầu tư và cơ chế tài chính đối với hoạt động khoa học và công nghệ và Thông tư liên tịch số 27/2015/TTLT-BKHCN-BTC ngày 30/12/2015 của liên Bộ Khoa học và Công nghệ, Bộ Tài chính về cơ chế khoán chi thực hiện nhiệm vụ khoa học và công nghệ cấp quốc gia. Các nhiệm vụ do các tổ chức, cá nhân đặt hàng không sử dụng ngân sách Nhà nước được thực hiện theo hợp đồng.

9. Viện phân phối kết quả tài chính theo quy định tại khoản 3 Điều 8 Nghị định số 54/2016/NĐ-CP.

Điều 5. Lập dự toán, chấp hành và quyết toán kinh phí

1. Viện thực hiện chế độ kế toán của đơn vị sự nghiệp công lập.

2. Hằng năm, căn cứ vào kế hoạch hoạt động của Viện, kết quả đánh giá tình hình thực hiện nhiệm vụ và hướng dẫn của Bộ Khoa học và Công nghệ, Viện trưởng xây dựng kế hoạch và lập dự toán ngân sách của Viện trong năm kế hoạch trình Hội đồng Viện xem xét, thông qua và gửi Bộ Khoa học và Công nghệ để tổng hợp vào dự toán ngân sách năm kế hoạch của Bộ Khoa học và Công nghệ, gửi Bộ Kế hoạch và Đầu tư và Bộ Tài chính.

Kế hoạch và dự toán ngân sách của Viện bao gồm phần kinh phí do ngân sách nhà nước cấp và các khoản tài trợ (nếu có).

3. Dự toán kinh phí hàng năm của Viện cần phải công khai, minh bạch và đáp ứng nhu cầu phát triển của Viện. Trong quá trình hoạt động, Viện có trách nhiệm xây dựng kế hoạch thu từ các hoạt động để bổ sung vào kinh phí hoạt động của Viện, giảm dần phần ngân sách nhà nước cấp, theo hướng tăng dần tự chủ về kinh phí.

4. Căn cứ lập dự toán:

- a) Kế hoạch hoạt động hằng năm của Viện;
- b) Cơ cấu, số lượng người làm việc tại Viện;
- c) Các nhiệm vụ do Nhà nước đặt hàng hoặc do Viện đề xuất và được cấp có thẩm quyền phê duyệt;
- d) Các chương trình hỗ trợ đào tạo;
- đ) Các dự án đầu tư xây dựng cơ bản, mua sắm trang thiết bị và sửa chữa lớn tài sản cố định, cơ sở vật chất, vốn đối ứng của các dự án được cấp có thẩm quyền phê duyệt;
- e) Các định mức chi quy định tại Điều 7 Quy chế này.

5. Viện có trách nhiệm quản lý, sử dụng và quyết toán ngân sách với Bộ Khoa học và Công nghệ theo quy định của chế độ kế toán hành chính sự nghiệp.

Trong trường hợp có thay đổi về kế hoạch hoạt động cần phải điều chỉnh dự toán ngân sách, Viện trưởng trình Hội đồng Viện xem xét, quyết định và báo cáo Bộ Khoa học và Công nghệ để xử lý theo quy định.

Điều 6. Hạng mục dự toán kinh phí

1. Chi hoạt động thường xuyên hằng năm:

- a) Tiền lương;
- b) Phụ cấp chức vụ, phụ cấp thu hút;
- c) Chi công lao động (thù lao) cho cán bộ nghiên cứu đến làm việc tại Viện, chi cho cán bộ nghiên cứu kiêm nhiệm ngắn hạn, cộng tác viên, chuyên gia là khách mời của Viện;

d) Chi quản lý hành chính và bộ máy dựa trên số lượng công chức, viên chức và cán bộ nghiên cứu làm việc tại Viện;

đ) Các khoản chi thường xuyên khác theo quy định.

2. Chi không thường xuyên:

a) Chi thực hiện các nhiệm vụ khoa học và công nghệ, các dự án sử dụng ngân sách nhà nước quy định tại điểm b, c, d khoản 1 Điều 2 Quy chế này;

b) Chi thực hiện các hoạt động nghiên cứu, ứng dụng, chuyển giao công nghệ, sản xuất kinh doanh và dịch vụ quy định tại khoản 2 Điều 2 Quy chế này;

c) Chi phí tổ chức, hỗ trợ viên chức của Viện và mời các nhà khoa học tham dự các hội nghị, hội thảo, xemina trong nước và quốc tế; mua tài liệu, dữ liệu khoa học;

d) Chi phí công bố quốc tế hoặc đăng ký bảo hộ quyền sở hữu trí tuệ đối với các kết quả nghiên cứu khoa học và phát triển công nghệ;

đ) Chi cho công tác truyền thông;

e) Các khoản chi khác theo quy định.

Điều 7. Định mức chi

1. Tiền lương đối với cán bộ quản lý, cán bộ nghiên cứu, nhân viên, người lao động theo hợp đồng của Viện:

a) Trong giai đoạn 2017 - 2026, căn cứ vào trình độ, năng lực chuyên môn, kết quả làm việc, quy chế chi tiêu nội bộ và khả năng cân đối nguồn tài chính của Viện, Viện thực hiện chi trả tiền lương, tiền công cho cán bộ quản lý, cán bộ nghiên cứu, nhân viên, người lao động theo hợp đồng như sau:

- Đối với người Việt Nam ở trong nước: được hưởng hai lần tiền lương, tiền công trên cơ sở tiền lương ngạch bậc, hạng chức danh nghề nghiệp theo quy định hiện hành của Nhà nước.

- Đối với người nước ngoài và người Việt Nam ở nước ngoài: được hưởng hai lần tiền lương, tiền công trên cơ sở tương đương tiền lương ngạch bậc, hạng chức danh theo quy định hiện hành của Nhà nước với từng vị trí như sau:

+ Viện trưởng được hưởng hệ số lương tương đương bậc 1 của chuyên gia cao cấp;

+ Phó Viện trưởng được hưởng hệ số lương tương đương bậc 1 của chuyên viên cao cấp;

+ Cá nhân có trình độ cử nhân, kỹ sư được hưởng hệ số lương tương đương bậc 1/8 của hạng nghiên cứu viên chính và tương đương;

+ Cán bộ khoa học trẻ có trình độ thạc sĩ được hưởng hệ số lương tương đương bậc 2/8 của hạng nghiên cứu viên chính và tương đương;

+ Cán bộ khoa học trẻ có trình độ tiến sĩ được hưởng hệ số lương tương đương bậc 3/8 của hạng nghiên cứu viên chính và tương đương.

b) Từ sau năm 2026, Viện được tự quyết định mức chi trả tiền lương, tiền công đối với cán bộ quản lý, cán bộ nghiên cứu, nhân viên, người lao động theo hợp đồng căn cứ vào trình độ, năng lực chuyên môn, kết quả làm việc, quy chế chi tiêu nội bộ và khả năng cân đối nguồn tài chính của Viện.

2. Phụ cấp

a) Phụ cấp thu hút: để đảm bảo thu hút, khuyến khích các nhà khoa học trình độ cao làm việc tại Viện, cán bộ quản lý, cán bộ nghiên cứu, nhân viên, người lao động theo hợp đồng của Viện được hưởng phụ cấp thu hút từ nguồn kinh phí tài trợ, viện trợ của tổ chức, cá nhân trong nước và nước ngoài theo Quy chế chi tiêu nội bộ của Viện.

b) Phụ cấp chức vụ: theo quy định đối với tổ chức khoa học và công nghệ công lập trực thuộc Bộ.

c) Phụ cấp khác (nếu có) theo Quy chế chi tiêu nội bộ của Viện.

3. Thù lao của cán bộ nghiên cứu kiêm nhiệm ngắn hạn: cán bộ nghiên cứu khi được mời đến Viện làm việc theo hợp đồng trong thời gian ngắn hạn (dưới 6 tháng), được hưởng thu nhập theo hợp đồng thỏa thuận giữa hai bên căn cứ theo khối lượng và hiệu quả công việc. Nếu cán bộ nghiên cứu làm việc trong khuôn khổ nhiệm vụ khoa học và công nghệ thì được hưởng chế độ thuê chuyên gia theo quy định tại Thông tư liên tịch số 55/2015/TTLT-BTC-BKH-CN ngày 22/4/2015 của liên Bộ Tài chính, Bộ Khoa học và Công nghệ về hướng dẫn định mức xây dựng, phân bổ dự toán và quyết toán kinh phí đối với nhiệm vụ khoa học và công nghệ có sử dụng ngân sách nhà nước.

4. Thù lao của cộng tác viên: cộng tác viên của Viện được nhận một khoản thù lao theo hợp đồng thỏa thuận giữa hai bên căn cứ theo khối lượng và hiệu quả công việc, khi cần thiết Viện có thể hỗ trợ chi phí đi lại và chỗ ở theo chế độ công tác phí (theo quy chế chi tiêu nội bộ của Viện).

5. Thù lao của chuyên gia là khách mời đặc biệt của Viện: chuyên gia là khách mời đặc biệt của Viện được thanh toán chi phí đi lại, tiền ăn ở theo quy chế chi tiêu nội bộ của Viện, và thù lao theo hợp đồng thỏa thuận giữa hai bên căn cứ theo khối lượng và hiệu quả công việc.

6. Chi mua hoặc khai thác tài liệu, sách báo, tạp chí, dịch vụ Internet phục vụ chuyên môn thanh toán theo thực tế, trong phạm vi nguồn kinh phí của Viện.

7. Các khoản chi phí công bố quốc tế, đăng ký bảo hộ quyền sở hữu trí tuệ đối với các kết quả nghiên cứu khoa học và phát triển công nghệ được thanh toán theo chứng từ thực tế.

8. Định mức chi cho các hoạt động khác được áp dụng theo Quy chế chi tiêu nội bộ của Viện hoặc các quy định hiện hành của Nhà nước.

Điều 8. Điều khoản thi hành

1. Quy chế này có hiệu lực thi hành kể từ ngày ký ban hành.

Hội đồng Viện, Viện trưởng Viện Khoa học và Công nghệ Việt Nam - Hàn Quốc có trách nhiệm chủ trì tổ chức thực hiện Quy chế này.

2. Việc sửa đổi, bổ sung Quy chế này do Hội đồng Viện, Viện trưởng Viện Khoa học và Công nghệ Việt Nam - Hàn Quốc phối hợp với các đơn vị có liên quan đề nghị Bộ trưởng Bộ Khoa học và Công nghệ và Bộ trưởng Bộ Tài chính xem xét, quyết định./.



Chu Ngọc Anh